

Làm thế nào để siêu việt nhị nguyên tính?

Tammy Cheng

Thích Nữ Tịnh Như dịch

Bản tóm tắt

Đây là chủ đề số 3 nằm trong chuỗi bài giảng thuộc chương trình giảng dạy trình độ đại học Phật giáo AWE năm thứ nhất. Chúng sanh hữu tình tiến triển nhận ra vũ trụ thế giới này xuyên qua những khái niệm nhị nguyên, [二邊] nhờ đó các mối tương quan tương sinh được nhận thức theo hai thái cực đối lập như sáng/ tối, nóng /lạnh, đỏi / no, sống /chết, tốt/ xấu, thiên đường/ địa ngục, âm/ dương, luân hồi/ niết bàn v.v.. Vũ trụ vạn vật hữu biên hay vô biên là nghi vấn mang tính sở chấp khó lý giải nhất mà ngay Đức Phật cũng phải từ chối trả lời. Điều đáng chú ý là các phần trong cặp đôi tương phản đều đối lập[對立] và loại trừ lẫn nhau[不相融]. Chư vị Bồ tát, các bậc đại giác ngộ là những người đã siêu việt tư tưởng nhị nguyên phân biệt. Ngài Lục Tổ Huệ Năng nhấn mạnh sự thoát khỏi nhị nguyên phân biệt là điều kiện thiết yếu để lĩnh hội thiền học Trung Hoa. Vậy làm thế nào để chúng ta đi vào cánh cửa Bất Nhị Pháp[入不二法門]. Giải pháp để vượt ra khỏi tư tưởng nhị nguyên chính là phải khai mở tâm.

Điều kiện tiên quyết để học Phật là phải khai mở tâm thức. Con người luôn vận hành theo tư duy kiến giải của riêng mình. Trái lại, chư vị Bồ tát các đấng đại giác ngộ lại tỏ rõ tâm tư vô ngại tự tại, dung thông thấu nhiếp tất cả pháp giới (dharma-dhatu [法界]). Nếu khai mở tâm trí đúng là nguyên tắc quyết định, thì đâu là giáo trình để khai mở tâm trí? Bài giáo huấn được tìm thấy trong kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka Sutra [大方廣佛華嚴經]), phẩm “Nhập Pháp Giới [入法界品]”, chương thứ 12 [善財童子第十二參]. Ngài Tự Tại Chủ Đồng Tử đã dạy Thiện tài Đồng Tử về phép toán tính đếm vi trần số theo cách tăng dần lên. Ngài bắt đầu từ một đơn vị Koti (ức - 10 triệu = 10, 000,000 = 8 con số) đến đơn vị không thể diễn tả được [不可說轉] (18609191940988822220653298843924824065 con số) hơn 123 lượng thời gian được nhân đôi. Trong từng cách tính, mỗi vi phân số được định lượng bằng việc cung ứng với một đơn vị đo lường cho tích số đó. Bài tập này sẽ làm hoàn thiện các mục tiêu nghiên cứu dưới đây

1. Hành giả nhận cảm xúc không chấp nhận hay tâm tưởng hẹp hòi với tiến trình đếm số trì trệ/lặp đi lặp lại này, tiến trình đòi hỏi cần phải có sự tập trung tâm ý (định tâm).
2. Tâm tưởng hẹp hòi có thể được định lượng qua việc nhận thức ra tư duy của người nào đó ở thời điểm khi số cực đại được xem là vô cùng
3. Công nhận rằng vô hạn là một khái niệm do tâm tưởng hẹp hòi hay tư duy hạn định mà có ra.
4. Chất lượng/số lượng hai mặt siêu việt như thuật ngữ trừu tượng “Bất khả thuyết” trở thành một đơn vị cụ thể “Khả thuyết”. Để hoàn thành nhiệm vụ đếm số đơn giản nhưng khó khăn này (một cặp siêu việt khác), hành giả cần phải định tâm, tập trung vào một điểm và không giới hạn thời gian chú tâm; một trạng thái thiền định - nhập định [*Samadhi*, 入定].
5. Khi nhập định, hành giả cảm nghiệm trực tiếp rằng hữu biên/vô biên có liên quan đến sức sống của nội thân, rằng hữu biên/vô biên có thể cùng tồn tại và không loại trừ lẫn nhau, vẫn chưa hài lòng với lời định nghĩa về hữu biên theo truyền thống so với vô biên.
6. Lời dẫn giải này đã kết hợp giáo lý Hoa Nghiêm với giáo lý Thiền. Để đơn giản hóa những giáo thuyết thâm mật đó, bài tham luận này trình bày làm ba phần được phản chiếu qua kinh Hoa Nghiêm.

Từ khóa: Nhị nguyên siêu việt, sự giác ngộ, siêu hình học, suy nghĩ chín chắn, khai mở tâm thức, Avatamsaka (Hoa Nghiêm), “Nhập Pháp Giới”, Sudhana, Thiên, Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh, Lăng Già Kinh.

PHẦN GIỚI THIỆU

Đề tài “làm thế nào siêu việt tính nhị nguyên phân biệt” nằm trong chuỗi bài giảng thuộc chương trình giảng dạy cấp đại học của Phật học viện Canada, AWE, năm thứ nhất. Chúng sanh tiến triển nhận ra vũ trụ thế giới này giới xuyên qua những khái niệm nhị nguyên, [二邊] nhờ đó các mối tương quan tương sinh được nhận thức theo hai thái cực đối lập như sáng/ tối, nóng /lạnh, đời /no, sống /chết, tốt/xấu, thiên đường/ địa ngục, âm/ dương, luân hồi/ niết bàn v.v.. Đức Phật Sakymuni cũng đã từ chối trả lời tất cả những nghi vấn mang tính nhị nguyên phân biệt chẳng hạn như mười vấn đề không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ (Wapola Rahula 1958)

1. Thế giới này hữu thường?
2. Thế giới này vô thường ?
3. Thế giới này hữu biên?
4. Thế giới này vô biên?
5. Linh hồn cũng là thân xác?
6. Linh hồn khác thân xác ?
7. Như lai hiện hữu sau khi chết?
8. Như lai không hiện hữu sau khi chết?
9. Như lai hiện hữu và không hiện hữu sau khi chết?
10. Như lai không hiện hữu và cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?

Những điều không thể diễn đạt được cấu thành những cặp đôi tương phản. Mỗi một cặp đôi đều đối nghịch và loại trừ nhau. Vậy chư bậc giác ngộ làm thế nào để có thể giải thoát khỏi tính nhị nguyên phân biệt? Nguyên văn Hán ngữ từ ‘Giác ngộ [開悟]’ là “Khai tâm[開心]” nghĩa đúng là tâm giải thoát. Theo thời gian, “khai mở tâm” dần dần có cùng ý nghĩa với “an lạc” nghĩa là đạt đến sự thanh tịnh an lạc, tức là Niết bàn hay là sự giải thoát khổ đau. Làm thế nào chúng ta có thể đi vào cánh cửa Bất Nhị Pháp [入不二法門]”? Vấn đề then chốt là chúng ta cần phải mở rộng tâm thức.



Hình 1



Hình 2

Vượt ra khỏi tính nhị nguyên phân biệt là điều kiện tiên quyết quan trọng đối với Phật giáo, đến nỗi lời dạy/ khái niệm then chốt này đã được gìn giữ và truyền đạt thông qua các kiến trúc đền thờ. Cửa nhị nguyên là kiểu kiến trúc hình vòng cung trước khi bước vào con đường dẫn đến tự viện (hình minh họa số 1)

Sau khi đã bước vào cánh cửa bất nhị pháp, vẫn còn một chặng đường dài để đến sự giác ngộ giải thoát (hình minh họa 2). Theo hình minh họa 1 và 2, cửa bất nhị được viết theo văn tự Trung Quốc là “Bất nhị Pháp Môn 不二法門”

Sau khi tiến qua cửa bất nhị, là con đường dẫn đến Điện thờ đức Di Lạc nơi Tứ Thiên Vương thuộc tầng trời thứ nhất lưu trú. Ý nghĩa bí truyền về Đức Di Lạc và Tứ Thiên

Vương nằm ngoài phạm vi của bài viết này, cho nên bài viết từ đầu đến cuối chỉ tập trung vào “Pháp môn Bất Nhị”. Đằng sau điện thờ của Ngài Di Lạc và Tứ Thiên Vương, là con đường cuối cùng đưa đến sự giác ngộ giải thoát, mà biểu trưng là chánh điện thờ Phật 大雄寶殿?

Nếu khai mở tâm thức đúng là bí quyết cơ bản quyết định để mở cánh cửa Bất Nhị Pháp, thì đâu là giáo trình dạy để khai mở tâm trí? Lời dạy được tìm thấy trong kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka Sutra [大方廣佛華嚴經]), phẩm “Nhập Pháp Giới [入法界品]” mục 12 Thiện Tài Đồng Tử [善財童子第十二參]. Lời giảng dạy tương tự cũng đã được lặp lại trong kinh, quyển 45, phẩm A Tăng Kỳ, chương 30 (卷四十五, 阿僧祇品, 第三十章), chương Đức Như Lai chỉ dạy cho Ngài Tâm Vương Bồ Tát (心王菩薩). Nói tóm lại, giáo pháp căn bản đầu tiên có thể nằm ở kinh Lăng Già (Lankavatara Sutra), quyển 1, chương 1, mục 1, phẩm “Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm” (楞伽阿跋

多羅寶經卷第一, 一切佛語心品第一之一) trong lời thoại giữa Đức Như Lai và Ngài Đại Huệ Bồ Tát (Mahamati 大慧). Tại sao những giáo thuyết này không được phổ cập? Lý do là vì giáo pháp quá thâm sâu vi diệu mà lại không có các biện pháp được đòi hỏi như là những điều kiện tiên quyết để lĩnh hội. Hơn nữa, nhờ kết hợp hai bài học làm một mà có sự thâm sâu diệu nghĩa của kinh. Hai bài học khó là “làm thế nào để khai mở tâm thức” và “làm sao vượt khỏi tư tưởng nhị nguyên phân biệt”. Bài viết này xác nhận việc thiếu vắng các điều kiện tiên quyết và rời hệ thống hóa chúng thành ba đơn vị lượng toán trước đơn vị lượng toán của Hoa Nghiêm. Ngoài ra, bài viết này tách phân phương pháp của Hoa Nghiêm “làm sao để chúng ta khai mở tâm thức” ra khỏi phương thức “làm thế nào để vượt lên tư tưởng nhị nguyên phân biệt”. Lưu lượng bài viết này được đặt làm các mục như sau

Phần 1. Làm sao để khai mở tâm

- Đơn vị đo lường sự phát triển của trẻ em
- Đơn vị đo lường theo 10^{n+1}
- Đơn vị đo lường theo 10^2
- Đơn vị đo lường theo kinh Hoa Nghiêm

Phần 2. Làm thế nào để vượt lên tư tưởng nhị nguyên phân biệt

- Cách thức vượt qua nhị nguyên tính theo kinh Hoa Nghiêm
- Thiền Hoa Nghiêm

Phần 3. Giáo lý về thiên đốn ngộ của Trung quốc theo Lục Tổ Huệ Năng

Phần 1 Làm sao để khai mở tâm thức

Như đã đề cập ở trên, việc khai mở tâm trí là bí quyết để giải phóng tư tưởng nhị nguyên. Nhưng vấn đề là làm thế nào để khai mở tâm trí? Làm sao để mở rộng tầm hiểu biết? Công cụ gì chúng ta có thể phải sử dụng? Từ thuở sơ khai cho đến thời đại kỹ thuật số ngày nay, công cụ thông dụng và đơn giản nhất là việc dùng các con số. Trong phần này có ba hệ số toán học được áp dụng để làm sáng tỏ phương thức khai mở tâm trí. Bài tham luận từ đầu đến cuối toàn sử dụng toán học đơn giản để đo lường sự tăng trưởng của trí tuệ.



Hình 3



Hình 4

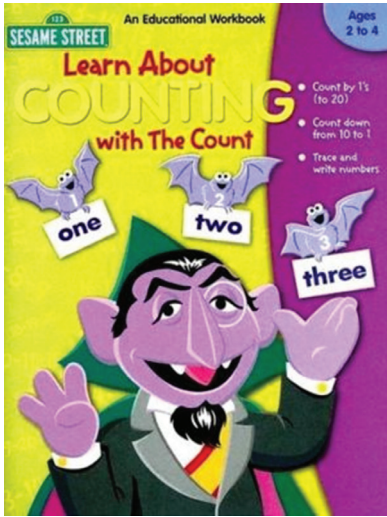
Phần 1.1 Đơn vị đo lường sự phát triển của trẻ em

Đơn vị đo lường này là tốt nhất để minh họa quá trình phát triển trí tuệ hoàn thiện. đơn vị đo lường giải thích cách thức hình thành khái niệm số tương đương sự tăng trưởng trí tuệ. Chúng ta hãy bắt đầu từ trẻ sơ sinh. Trẻ sơ sinh nhận biết cuộc sống bằng 5 giác quan; thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm. Năm giác quan này kích thích não bộ sinh ra thức thứ sáu (ý thức). Ở giai đoạn đầu này, ý thức của bé chưa có khái niệm về những con số (hình minh họa số 3).

Các khái niệm của trẻ thơ dựa vào tính chất cảm nhận như đói / no, vui / buồn, ấm / lạnh. Nói cách khác, trẻ thơ tìm hiểu cuộc sống bằng cách hình thành các khái niệm nhị nguyên phân biệt. Các khái niệm nhị nguyên là chất chứ không phải lượng. Khi dần dần lớn, trẻ con bắt đầu tìm hiểu và tư duy qua việc chơi đùa, quan sát và khám phá môi trường xung quanh (hình minh họa số 4). Quá trình tư duy của các bé chỉ mới biết đi bắt đầu phát triển bao gồm những khái niệm bán định lượng ở giai đoạn này, nghĩa là vui/ buồn thế nào, đói / no ra sao, ấm / lạnh thế nào. Ví dụ, phần nào vui, buồn không thể xua tan, quá no, chút ít đói, ấm áp dễ chịu, vô cùng lạnh v.v..Lưu ý rằng những khái niệm này được mô tả rõ nhất là những cảm giác, mặc dù chúng hàm ý “ít nhiều”. Khái niệm nhị nguyên vẫn chiếm ưu thế nhưng không rõ ràng lắm. Khái niệm số lượng (bao nhiêu) như chữ số và trị số hoàn toàn không có (hình minh họa số 4).

Khi trẻ tới tuổi đến trường mầm non và đi học những con số 1, 2, 3... làm cơ sở cho khái niệm số lượng được dạy (hình minh họa số 5).

Khi còn bé, chúng ta đã học cách tính, đầu tiên là bằng những ngón



tay và sau đó là với các thiết bị giảng dạy.

Ở trường tiểu học, chúng ta được dạy những con số và phép tính đơn giản bao gồm cộng, trừ, nhân, chia (hình minh họa số 6). Cuối cùng môn toán cao cấp trừu tượng, khó hiểu như đại số học, giải tích học được phát triển cho phép tâm trí chúng ta xử lý và đoán biết nhiều con số lớn và phức tạp hơn (hình minh họa số 7).

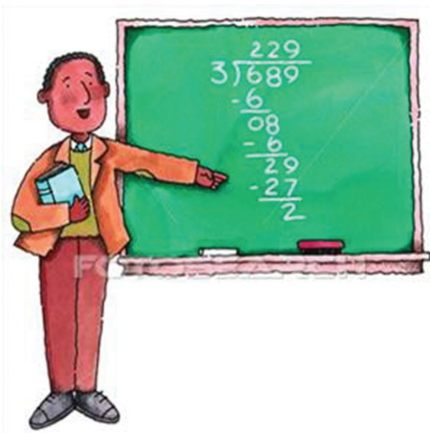


Hình 5

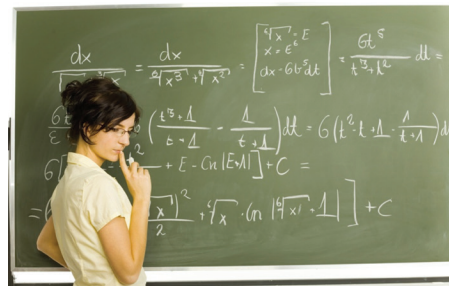
Sự minh họa từ trẻ sơ sinh đến tuổi trưởng thành ở trên nhằm giải thích vài điểm quan trọng:

1. Số chỉ là số, dù cho đơn giản (hình minh họa số 5) hay phức tạp (hình minh họa số 6) như thế nào.

2. Một khía cạnh quan trọng trong sự phát triển trí tuệ liên quan đến sự trưởng thành được dựa trên



Hình 6



Hình 7

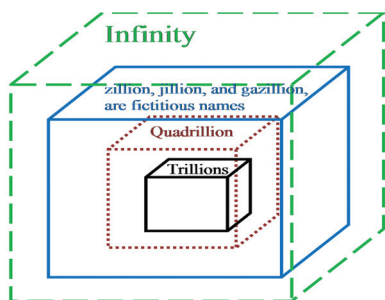
các khái niệm từ định tính (hình minh họa số 3) đến bán định lượng (hình minh họa số 4) đến định lượng (hình minh họa số 5-7)

3. Sự xác định số lượng chỉ là một quy trình khảo sát phân tích phức tạp một khái niệm trừu tượng về chất lượng thành những thành phần hữu hạn nghĩa là mức độ tương đối.

4 Mặc dù hầu hết chúng ta không quan tâm đến việc thấu hiểu toán học phức hợp, nhưng chúng ta thường bày tỏ sự đồng tình rằng nếu chúng ta chọn học thì môn toán học phức tạp như vậy sẽ có giá trị và dễ hiểu.

Phần 1.2: Đơn vị đo lường theo 10^{n+1}

Đẳng thức này tốt nhất để minh họa “sự suy nghĩ chín chắn, thận trọng” (Thinking Boxes). Trong bài thực tập sau đây, chúng ta sẽ sử dụng các con số đơn giản để làm sáng tỏ sự tư duy chín chắn có nghĩa gì đối với chúng ta và cuối cùng, bài thực tập như thế nào để rời xa bỏ luôn cả sự tư duy đó đạt đến vô chấp. Đẳng thức này dùng phép tính rất đơn giản bằng cách thêm một con số 0 kế tiếp chữ số, từng bước một, theo một logic hoàn thiện. Chúng ta hãy bắt đầu bằng con số 10 nhỏ nhất với hai chữ số (Bảng 1, hàng đầu tiên dưới dòng tiêu đề). Bằng cách thêm một con số 0 vào số 10, trở thành 100 với 3 chữ số (Bảng 1, hàng thứ 2 dưới tiêu đề). Theo chuỗi quy trình này để tạo thành một loạt các dãy số với giá trị không ngừng tăng lên. Nếu chúng ta cứ tiếp tục không gián đoạn, chúng ta có thể đếm đến số lượng rất lớn mà không có bất kỳ vấn đề gì. Vấn đề phát sinh khi hầu hết mọi người không có khái niệm về số lượng lớn hoặc thiếu sự nhẫn nại. Do đó, họ đặt ra nhiều cái tên không có thật cho số lượng lớn mà họ còn xa lạ, ví dụ Jillion và Gazillion là một con số không xác định rất lớn (Bảng 1, hàng thứ hai và thứ ba từ dưới lên). Nếu người nào đó từ chối không liên tục đếm, anh / cô ấy có thể coi dãy số kế tiếp 10^{n+1} là vô cực (bảng 1, hàng cuối cùng). Đẳng thức đơn giản này minh họa dãy số 10^{n+1} là một sự tiến triển hợp lý không có kết thúc. Ngăn chặn sự tiến triển bằng việc đột nhiên đưa ra khái niệm “vô cực” ở bất cứ khoảng cách nào là hoàn toàn phi lý. Theo sự suy luận hợp lý này, toàn bộ khái niệm về vô cực là không có hiệu lực. Nếu người nào đó xem con số một nghìn tỷ là đơn vị có ý nghĩa lớn nhất, thì người đó chỉ biết suy nghĩ về một nghìn tỷ, một triệu triệu. Tương tự, nếu một người xem con số nghìn triệu triệu là đơn vị lớn nhất, thì người đó đã phá



Hình 8

bỏ con số một nghìn tỷ trong suy nghĩ của mình mà chỉ biết suy nghĩ về con số nghìn triệu triệu. Tiếp theo bảng 1 là những mô tả về các tầng độ tư duy (hình minh họa số 8)

Bảng 1. The 10^{n+1} Progression

Unit	Log increments	Digits
Ten	10	2
Hundred	100	3
Thousands	1000	4
Millions	1,000,000	7
Billions	1,000,000,000	10
Trillions	1,000,000,000,000	13
Quadrillion	1,000,0000,000,000,000	16
Gazillion	1,000,000,000,000,000,000	19
<i>zillion, jillion, and gazillion, are fictitious names</i>		
“Infinity”	1,000,000,000,000,000,000,000	22

Hình minh họa số 8 chỉ ra rằng nếu suy nghĩ của chúng ta trở nên cởi mở trải rộng, thì sự giới hạn của chúng ta sẽ vượt xa những con số không được xác định rất lớn, vô cùng lớn từ zillion, đến jillion, gazillion và bất cứ giả danh nào mà chúng ta quyết tâm chỉ định. Về cơ bản, khi chúng ta đạt tới ranh giới của sự suy nghĩ, thì bất kỳ con số lớn nào vượt ra ngoài sự suy nghĩ đó được gọi là “VÔ CỰC”. Do đó, hình minh họa số 8 khẳng định rằng khái niệm “vô cực” thật sự đại diện cho tầng lớp suy nghĩ khác. Lưu ý rằng dòng tư duy vô hạn có thể đuổi theo sau ý nghĩ một nghìn tỷ hoặc con số lớn hơn nữa hay bất kỳ chỗ nào tùy thuộc cá nhân.

Phần 1.3 Đơn vị đo lường theo 10^2

Đây là đẳng thức tốt nhất để khai mở tâm trí tương ứng như việc phá bỏ dòng tư duy được cho là chần chẫn thận trọng để đạt đến sự vô chấp. Đẳng thức này toàn là những con số bình phương (Bảng 2). Phép tính bình phương đem lại một sự phát triển nhanh những con số vô cùng lớn do đó buộc tâm trí đối đầu với lối suy nghĩ thận trọng riêng của nó một cách nhanh chóng. Hai ví dụ đã được nói rõ. Ví dụ đầu tiên là số mười bình phương. Ví dụ thứ hai là đơn vị đo lường được mô tả trong kinh Hoa Nghiêm. Đơn vị đo lường theo 10^2 bắt đầu bằng việc nâng lũy thừa bậc hai cho số 10 (bảng 2). Nó là cầu nối giữa mô thức 10^{n+1} trước đó và mô thức theo kinh Hoa Nghiêm trong phần tiếp theo. Cùng với lượng gia của bình phương, các con số càng lúc càng lớn và nhanh hơn, nghĩa là thay cho trăm triệu lũy thừa bốn (Bảng 2, hàng cuối thứ 2), đó là trăm triệu nhân trăm triệu ($100,000,000 \times 100,000,000 = 10,000,000,000,000,000$) và có 17 chữ số. Phép tính kế tiếp là trăm triệu lũy thừa 4 nhân với trăm triệu lũy thừa 4 ($10,000,000,000,000,000 \times 10,000,000,000,000,000$). Đơn thuần là 5 phép tính được yêu cầu trước khi đạt tới chỗ suy nghĩ vô tận không hạn lượng (Bảng 2, hàng cuối).

Bảng 2. The 10^2 Module

Unit	Square Increment	Digits
Hundred	$10 \times 10 = 100$	3
Ten thousand	$100 \times 100 = 10,000$	5
Hundred million	$10,000 \times 10,000 = 100,000,000$	9
Hundred quadrillion	$100,000,000 \times 100,000,000 = 10,000,000,000,000,000$	17
“Infinity”	$10,000,000,000,000,000 \times 10,000,000,000,000,000 = \text{infinity}$	33

Ngày nay, 17% dân số thế giới lướt internet hoặc khoảng nửa tỷ người sử dụng internet. Công cụ tìm kiếm được nhiều người ưa chuộng nhất là Google. Từ Google trên thực tế có nguồn gốc từ chữ “googol”. Một googol = 1.0×10^{100}

Là con số rất lớn. Google vận dụng ý nghĩa của con số khổng lồ này

lấy làm trực quan và ký hiệu của công ty.

Phần 1.4 Đơn vị đo lường theo kinh Hoa Nghiêm

Cách lượng toán này là tốt nhất để vượt lên tư tưởng nhị nguyên phân biệt. Chủ đề sẽ được trình bày chi tiết trong phần 2.1. Phần này tập trung vào tính năng “khai mở tâm thức” được mô thức này chuyển tải. Bản văn được tìm thấy trong kinh Hoa Nghiêm, quyển 80 [大方廣佛華嚴經, 八十卷], và quyển 65, chương 39 “Phẩm Nhập Pháp Giới”, phần 12 “Thiện tài Đồng Tử” [善財童子 (Sudhana) 第十二參]. Tự Tại Chủ Đồng Tử [自在主童子] đã dạy Thiện Tài Đồng Tử [善財童子 (Sudhana)] cách đếm các con số càng lúc càng lớn. Ngài bắt đầu từ một đơn vị koti [俱體] (10 triệu = 10,000,000 = dãy 8 chữ số) đến đơn vị bất khả thuyết chuyển [不可說轉] (18609191940988822220 653298843924824065 dãy chữ số) hơn 123 phép tính bình phương. Trong bảng số 3 – 8, cột đầu tiên chỉ rõ từng bước bình phương; cột thứ hai cung cấp một đơn vị đo lường cho kết quả bình phương; cột thứ ba định lượng mỗi vi phân số. Kinh Lăng Nghiêm (Hsuan Hua, 1981) dạy rằng:

Này thiện nam tử, Ta cũng có khả năng hiểu biết của Bồ tát về phép đếm số, cụ thể là Một trăm Lakhsa là một Koti. Một Koti bình phương là một Ayuta. Một Ayuta bình phương là một Nayuta. Một Nayuta bình phương là một Vimura... Một Upagma bình phương là một Vô Lượng. Một Vô lượng bình phương là một Vô Số Chuyển. Một Vô Số Chuyển bình phương là một Vô Biên. Một Vô Biên bình phương là Vô Biên Chuyển. Một Vô Biên Chuyển bình phương là một hằng hà sa số... Một Bất Khả Số bình phương là một Bất Khả Số chuyển. Một Bất Khả Số Chuyển bình phương là một Bất Khả Xung. Một Bất Khả Xung bình phương là một Bất Khả Xung Chuyển. Một Bất Khả Xung Chuyển bình phương là một Bất Khả Tư... Một Bất Khả Thuyết bình phương là một Bất Khả Thuyết Chuyển. Một Bất Khả Thuyết Chuyển bình phương là một Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết. Lại nữa Bất Khả Thuyết này bình phương là một Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết Chuyển. Thiện nam, bằng cách vận dụng phương pháp toán số của Bồ tát ta có thể ước tính được hằng hà sa số hạt cát chất đồng không thể đo lường.

Về điểm này, hành giả được yêu cầu đếm số liên tục bằng miệng theo bảng 3 đến bảng 18. Bằng cách đếm số to tiếng, bạn có thể đánh giá

được mức độ năng lượng của chính mình. Một vài người có thể cảm thấy thú vị nhưng một số người có thể cảm thấy buồn chán, tất cả đều phụ thuộc vào năng lượng và mức độ tư duy của mỗi người. Mọi phản ứng của các hành giả sẽ được ghi nhận và quán sát. Điều này rất quan trọng để lĩnh hội những giá trị trong Hoa Nghiêm Thiền.

Bản kinh đã tận dụng đẳng thức n^2 để buộc chúng ta khai mở tâm trí theo một cách tương tự như ba đẳng thức trước. Nhưng, điều này phải làm gì để “vượt ra khỏi tư tưởng nhị nguyên phân biệt”? Điều này được giải thích trong phần 2.

Bảng 3. The Avatamsaka Sutra Module

	AvatamsakaSūtra	Number of Digits
1	10,000,000 = 10 million = 1 koti	8
2	koti x koti = ayuta	15
3	ayuta x ayuta = niyuta	29
4	niyuta x niyuta = bimbara	57
5	bimbara x bimbara = kinkara	113
6	kinkara x kinkara = agara	225
7	agara x agara = pravara	449
8	pravara x pravara = mapara	897

Bảng 4. The Avatamsaka Sutra Module continue

	AvatamsakaSūtra	Number of Digits
9	mapara x mapara = tapara	1793
10	tapara x tapara = sima	3585
11	sima x sima = yama	7169
12	yama x yama = nema	14337
13	nema x nema = avaga	28673
14	avaga x avaga = mrgava	57345

15	$mrgava \times mrgava = viraga$	114689
16	$viraga \times viraga = vigava$	229377

Bảng 5. The Avatamsaka Sutra Module continue

	AvatamsakaSūtra	Number of Digits
17	$vigava \times vigava = samkrama$	458753
18	$samkrama \times samkrama = visara$	917505
19	$visara \times visara = vibhaja$	1835009
20	$vibhaja \times vibhaja = vijangha$	3670017
21	$vijangha \times vijangha = vishoda$	7340033
22	$vishoda \times vishoda = vivaha$	14680065
23	$vivaha \times vivaha = vibhakta$	29360129
24	$vibhkata \times vibhakta = vikhata$	58720257

Bảng 6. The Avatamsaka Sutra Module continue

	AvatamsakaSūtra	Number of Digits
25	$vikhata \times vikhata = ilana$	117440513
26	$ilana \times ilana = avana$	234881025
27	$avana \times avana = thavana$	469762049
28	$thavana \times thavana = viparya$	939524097
29	$viparya \times viparya = samaya$	1879048193
30	$samaya \times samaya = viturna$	3758096385
31	$viturna \times viturna = hetura$	7516192769
32	$hetura \times hetura = vicara$	15032385537

Bảng 7. The Avatamsaka Sutra Module continue

	AvatamsakaSūtra	Number of Digits
33	$vicara \times vicara = vyavasta$	30064771073

34	vyavasta x vyavasta = abhyundgata	60129542145
35	abhyudgata x abhyudgata = vishishta	120259084289
36	vishishta x vishishta = nilamba	240518168577
37	nilamba x nilamba = harita	481036337153
38	harita x harita = vikshoba	962072674305
39	vikshoba x vikshoba = halita	1924145348609
40	halita x halita = hari	3848290697217

Bảng 8. The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
41	hari x hari = aloka	7696581394433
42	aloka x aloka = drshvanta	15393162788865
43	drshvanta x drshvanta = hetuna	30786325577729
44	hetuna x hetuna = ela	61572651155457
45	ela x ela = dumela	123145302310913
46	dumela x dumela = kshemu	246290604621825
47	kshemu x kshemu = eluda	492581209243649
48	eluda x eluda = bhaluda	985162418487297

Bảng 9. The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
49	bhaluda x bhaluda = samata	1970324836974593
50	samata x samata = visada	3940649673949185
51	visada x visada = pramatra	7881299347898369
52	pramatra x pramatra = amantra	15762598695796737
53	amantra x amantra = bhramantra	31525197391593473
54	bhramatra x bhramantra = gamantra	63050394783186945
55	gamantra x gamantra = namantra	126100789566373889

56	namantra x namantra = nahimantra	252201579132747777
----	----------------------------------	--------------------

Bảng10 The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
57	nahimantra x nahimantra = vimantra	504403158265495553
58	vimantra x vimantra = paramantra	1008806316530991105
59	paramantra x paramantra = shivamantra	2017612633061982209
60	shivamantra x shivamantra = delu	4035225266123964417
61	delu x delu = velu	8070450532247928833
62	velu x velu = gelu	16140901064495857665
63	gelu x gelu = khelu	32281802128991715329
64	khelu x khelu = nelu	64563604257983430657

Bảng 11. The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
65	nelu x nelu = bhelu	129127208515966861313
66	bhelu x bhelu = kelu	258254417031933722625
67	kelu x kelu = selu	516508834063867445249
68	selu x selu = pelu	1033017668127734890497
69	pelu x pelu = melu	2066035336255469780993
70	melu x melu = sarada	4132070672510939561985
71	sarada x sarada = bherudu	8264141345021879123969
72	bherudu x bherudu = kheludu	16528282690043758247937

Bảng 12. The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
73	kheludu x kheludu = maludu	33056565380087516495873
74	maludu x maludu = samalu	66113130760175032991745

75	samalu x samalu = athava	132226261520350065983489
76	athava x athava = kamala	264452523040700131966977
77	kamala x kamala = agava	528905046081400263933953
78	agava x agava = ataru	1057810092162800527867905
79	ataru x ataru = helura	2115620184325601055735809
80	helura x helura = mirahu	4231240368651202111471617

Bảng 13. The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
81	mirahu x mirahu = carana	8462480737302404222943233
82	carana x carana = dhana	16924961474604808445886465
83	dhana x dhana = pramada	33849922949209616891772929
84	pramada x pramada = nigama	67699845898419233783545857
85	nigama x nigama = upavarta	135399691796838467567091713
86	upavarta x upavarta = nirdesha	270799383593676935134183425
87	nirdesha x nirdesha = akshaya	541598767187353870268366849
88	akshaya x akshaya = sambhuta	1083197534374707740536733697

Bảng 14. The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
89	sambhuta x sambhuta = mamama	2166395068749415481073467393
90	mamama x mamama = avada	4332790137498830962146934785
91	avada x avada = utpala	8665580274997661924293869569
92	utpala x utpala = padma	17331160549995323848587739137
93	padma x padma = sankhya	34662321099990647697175478273
94	sankhya x sankhya = gati	69324642199981295394350956545
95	gati x gati = upama	138649284399962590788701913089
96	upama x upama = aupamyā	277298568799925181577403826177

Bảng15. The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
97	aupamya x aupamya = incalculable	55459713759985036315480 7652353
98	incalculable x incalculable = incalculable ²	11091942751997007263096 15304705
99	incalculable ² x incalculable ² = incalculable ⁴	22183885503994014526192 30609409
100	incalculable ⁴ x incalculable ⁴ = measureless	44367771007988029052384 61218817
101	measureless x measureless = measureless ²	88735542015976058104769 22437633
102	measureless ² x measureless ² = measureless ⁴	17747108403195211620953844 875265
103	measureless ⁴ x measureless ⁴ = boundless	35494216806390423241907689 750529
104	boundless x boundless = boundless ²	70988433612780846483815379 501057

Bảng 16. The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
105	boundless ² x boundless ² = boundless ⁴	141976867225561692967630 759002113
106	boundless ⁴ x boundless ⁴ = incomparable	283953734451123385935261 518004225
107	incomparable x incomparable= incomparable ²	567907468902246771870523 036008449
108	incomparable ² x incomparable ² = incomparable ⁴	113581493780449354374104 6072016897
109	incomparable ⁴ x incomparable ⁴ = uncountable	227162987560898708748209 2144033793
110	uncountable x uncountable = uncountable ²	454325975121797417496418 4288067585

111	uncountable ² x uncountable ² = uncountable ⁴	908651950243594834992836 8576135169
112	unequalled ⁴ x unequalled ⁴ = unequalled	181730390048718966998567 37152270337

Bảng 17. The Avatamsaka Sutra Module continue

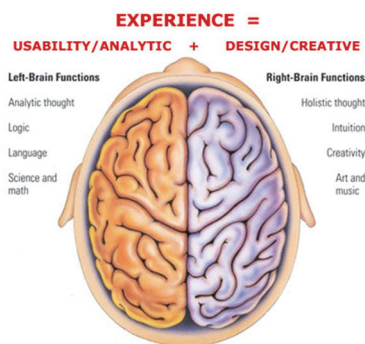
	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
113	unequalled x unequalled = unequalled ²	363460780097437933997 13474304540673
114	unequalled ² x unequalled ² = unequalled ⁴	726921560194875867994 26948609081345
115	unequalled ⁴ x unequalled ⁴ = inconceivable	145384312038975173598 853897218162689
116	inconceivable x inconceivable = inconceivable ²	290768624077950347197 707794436325377
117	inconceivable ² x inconceivable ² = inconceivable ⁴	581537248155900694395 415588872650753
118	inconceivable ⁴ x inconceivable ⁴ = immeasurable	116307449631180138879 0831177745301505
119	immeasurable x immeasurable = immeasurable ²	232614899262360277758 1662355490603009
120	immeasurable ² x immeasurable ² = immeasurable ⁴	465229798524720555516 3324710981206017

Bảng 18. The Avatamsaka Sutra Module continue

	Avatamsaka Sūtra	Number of Digits
121	immeasurable ⁴ x immeasurable ⁴ = unspeakable	930459597049441111032 6649421962412033
122	unspeakable x unspeakable = unspeakable ²	186091919409888222206 53298843924824065

123	$\text{unspeakable}^2 \times \text{unspeakable}^2 = \text{unspeakable}^4$	372183838819776444413 06597687849648129
124	$\text{Unspeakable}^4 \times \text{Unspeakable}^4 = \text{unspeakably unspeakable}$	744367677639552888826 13195375699296257
125	$\text{unspeakably unspeakable} \times \text{unspeakably unspeakable} = \text{untold}$?

Phần 2: Làm thế nào siêu việt Nhị Nguyên tính



Hình 9

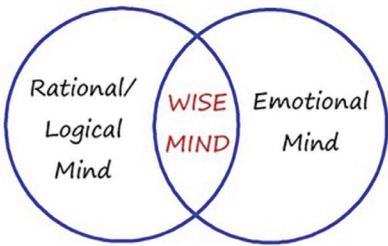
Phần 2.1 Phương pháp để vượt ra khỏi tư tưởng Nhị Nguyên theo kinh Hoa Nghiêm

Từ điển định nghĩa các thuật ngữ nhị nguyên, hữu biên và vô biên như sau: Hữu biên – có ranh giới hay hạn định; đo lường được, hoàn toàn có thể đếm được, không phải vô biên hay vi phân (số lượng nhỏ vô cùng), cũng không phải số không.

Vô biên – không giới hạn, có số lượng cực lớn, vô cùng vô tận hoặc không thể đo lường được, là vô hạn là cực đại. Theo định nghĩa của từ điển, hữu biên và vô biên là hai thuật ngữ loại trừ nhau; những gì là hữu hạn thì không thể là vô hạn và ngược lại. Tuy nhiên, cả 4 đẳng thức toán học đều quả quyết một lập luận hoàn hảo rằng vô cực không hiện hữu. Do đó, khái niệm nhị nguyên về cái hữu hạn so với cái vô hạn đã được siêu việt nhờ đi theo cách lập luận của 4 đẳng thức. Mặc dù 3 đẳng thức đầu tiên đã trình bày ngày hôm nay cũng đã được liệt vào thông điệp siêu thực này, nhưng đơn vị đo lường trong kinh Hoa Nghiêm đã có cách đây hơn 2000 năm mới chính là cha đẻ củatoán học

Tính năng duy nhất độc quyền của đơn vị đo lường theo Hoa Nghiêm không có mặt trong ba đơn vị đo lường trước được làm sáng tỏ dưới đây. Ở hàng 97 của bảng 15, từ “Bất Khả Lượng” thực ra là con

số có thể đếm được. Kinh duy trì sự phi lý này cố ý dùng các thuật ngữ vô hạn để chỉ rõ những số đo đếm được. Những thuật ngữ này kéo dài từ hàng 97 “Bất khả lượng” đến hàng 125 “Bất khả thuyết” bao gồm cả những thuật ngữ như Vô lượng, Vô biên, Vô tỷ, Vô song, Bất khả tư, Bất khả tư nghì, Bất khả lượng, Bất khả thuyết, Bất khả thuyết diễn. Chúng ta có thể nhận thức được chủ ý của kinh. Kinh chỉ chúng ta cách chuyển hóa các thuật ngữ mô tả định tính, khó hiểu thành những giá trị đo lường định lượng, cụ thể. Phật giáo chuyển hóa cả hai sự hiểu biết về định tính và định lượng thành trí tuệ. Trí tuệ của kinh là ở việc sử dụng các từ ngữ tương đồng để chuyển tải nghĩa nhị nguyên của cả chất và lượng. Kinh vận dụng nhị nguyên tính để siêu vượt nhị nguyên tính; chữa cháy bằng lửa! Bằng cách làm như vậy, cùng một từ ngữ được đồng thời giải thích về chất bằng não phải và về lượng bằng não trái (hình minh họa số 9). Khi não trái và não phải cùng hoạt động, thì trí tuệ phát sinh (hình minh họa số 10). Vũ trụ hữu biên hay vô biên được cho là vấn đề gây nhầm lẫn lớn nhất. Bây giờ chúng ta đã hiểu lý do tại sao Đức Phật Sakyamuni từ chối trả lời 10 nghi vấn không thể diễn tả nổi (đã liệt kê trong phần mở đầu). Các câu hỏi đều được diễn đạt trong cái bẫy nhị nguyên. Người đặt những câu hỏi muốn nghe câu trả lời định kiến, quá đơn giản bên trong cách suy nghĩ có/không. Nếu bậc đạo sư chỉ cho thấy tính thiếu cận của sự suy nghĩ này, hành giả sẽ có cảm tưởng mình bị xúc phạm. Không thể trả lời những nghi



vấn mang tính nhị nguyên như vậy trừ phi người hỏi đã được dạy bốn đơn vị lượng toán và đã siêu vượt khỏi tư tưởng nhị nguyên phân biệt. Đó là lý do tại sao sự đáp lại duy nhất của bậc đạo sư là giữ im lặng.



Hình 10

Chúng ta hãy giải quyết cặp câu hỏi không thể diễn tả được, ví dụ hỏi, vũ trụ là hữu biên hay vô biên? Vũ trụ xem ra vô biên là câu trả lời của đa số những người có suy nghĩ nhỏ nhen trong suốt lịch sử. Sự tiến bộ của khoa học ngày nay đã khai mở tâm trí chúng ta và phá bỏ những tư duy hạn chế.

Vũ trụ học khoa học dạy chúng rằng vũ trụ của chúng ta là hữu biên kể từ khi vụ nổ tạo ra vũ trụ (Big bang). Vì vậy, những câu hỏi này được coi là không thể diễn đạt trong suốt thời kỳ của Đức Phật Sakyamuni. Sau Đức Phật Sakyamuni khoảng 500 năm, kinh Lăng Già và kinh Hoa Nghiêm đã đưa ra những câu trả lời về cách lượng toán (modular).

Phần 2.2 Thiền Hoa Nghiêm

Các hành giả những người đã trải nghiệm học hỏi qua cách thức lượng toán của kinh Hoa Nghiêm sẽ có được các lợi ích sau:

1. Quá trình đếm số không rõ ràng và lập đi lập lại buộc hành giả phải có kinh nghiệm đè nén cảm xúc riêng của mình chống lại pháp dạy này. Sự đối kháng này là biện pháp khép kín
2. Mức độ khép kín có thể định lượng bằng hành động từ chối duy trì pháp tính toán học đơn giản này. Sự loại bỏ xảy ra khi hành giả quyết định ở một điểm nào đó rằng giá trị của một đơn vị số đã vượt quá suy nghĩ của mình và vì thế trở nên không thích đáng, vô nghĩa, vô ích và cũng có thể là vô cùng.
3. Nhận thức rằng vô biên là một khái niệm do tâm ý nặng nề hay tư duy giới hạn mà phát sinh ra
4. Khi hành giả tiếp tục mở rộng hệ thống đếm số vi phân này, mỗi số đều có thể xác định được số lượng dù lớn thế nào. Chất lượng/ số lượng hai mặt siêu việt như thuật ngữ trừu tượng “Bất khả thuyết” trở thành một đơn vị cụ thể “khả thuyết”. Để hoàn thành nhiệm vụ đơn giản nhưng khó khăn này (một cặp siêu việt khác), hành giả cần phải định tâm, tập trung vào một điểm và không giới hạn thời gian chú tâm; Nói cách khác, trong trạng thái nhập định [*Samadhi*, 入定], thì lực sống trở nên mạnh mẽ trong khi tâm trí thoải mái và tập trung.
5. Trong trạng thái này, hành giả cảm nhận trực tiếp rằng hữu biên/ vô biên có liên quan đến sức mạnh sống của chính mình, rằng hữu biên/vô biên có thể cùng tồn tại và không loại trừ lẫn nhau, vẫn chưa hài lòng với lời định nghĩa hữu biên theo truyền thống so với vô biên. Tính nhị nguyên là tương đối, siêu việt mới tuyệt đối.

Sau khi suy xét chi tiết 5 lợi ích, người ta phát hiện ra rằng đơn vị lượng toán của kinh Hoa Nghiêm thực tế là một bài tập thực hành thiền định. Lợi ích 1 và 2 giống như quán số tức (數息觀) mà theo

cách đó hành giả đánh giá sức sống của mình nhờ quán sát cảm thọ. Lợi ích 3, 4 và 5 là thiền quán tưởng nhờ quán sát các pháp. Lợi ích 4 là Samadhi – định nhờ quán sát tâm tính. Vì vậy, thực hành thiền Hoa Nghiêm vi diệu này cũng có thể coi như là giáo thuyết thâm mật của Hoa Nghiêm.

Theo Tổ sư thứ 6 của truyền thống Thiền Trung Hoa, Huệ Năng(六祖惠能), Ngài tuyên xưng rằng Tuệ và Định là hai mặt của một đồng tiền, hai mặt xảy ra cùng một lúc

“...không nên nhầm và cho rằng Định và Tuệ khác nhau. Định và Tuệ là một bản thể, không phải hai. Định là bản thể của Tuệ, và Tuệ là công dụng của Định. Trong tuệ có Định. Trong Định có Tuệ...” (Tuyên Hóa, 2001, chương 4, Định và Tuệ定慧品第四)

Sau khi xem xét kỹ lưỡng năm giá trị lợi ích, mỗi một giá trị thực ra bao gồm cả Định và Tuệ. Trong thực tế cả thấy 5 điểm đều có thể tích hợp thành một mạch diễn đạt Định Tuệ phù hợp với những lời giáo huấn của tổ Huệ Năng. Đây là cách mà có thể dung hợp giáo lý Hoa Nghiêm tông với Thiền tông Trung Hoa. Bài dạy tinh tế trong cách tính của Hoa Nghiêm cũng có thể được coi là mật nghĩa bởi vì đòi hỏi phải cóba đơn vị lượng toán trước mới làm sáng tỏ một cách rõ ràng. Tiềm năng này cần một sự hiểu biết dung hợp giữa các giáo lý của các trường phái Hoa Nghiêm, Thiền và Mật tông.

Phần 3. Thiền Pháp môn Vô Niệm của Trung Hoa theo Lục Tổ Huệ Năng

Tổ thứ 6 của truyền thống Thiền Trung Hoa, Huệ Năng đã được ca ngợi là bậc Thầy giác ngộ hoàn toàn. Trước khi thị tịch, Ngài đã phó chúc lại pháp môn Vô Niệm mà dựa theo đó để hình thành giáo lý của Thiền Tông. Nguyên bản được tìm thấy trong “Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh của [六祖壇經]”, chương 10, phẩm Phó Chúc[付囑品第十]. Theo bản dịch của ngài Tuyên Hóa 2001, trang 379

“Vào một ngày, Đại sư gọi các môn nhơn.... nói rằng....Sau khi ta diệt độ rồi....Nay ta dạy cho các con cách khi ra thuyết pháp mà chẳng làm sai lạc bốn tông.... Thoạt có người hỏi các con về Phật pháp, thì câu trả lời cho người đó phải đối ngược lại. Nếu các

con và người đặt vấn đề đều dùng pháp đối để hỏi/trả lời đối nhau, thì cả hai đều bỏ hết và không còn gì bỏ lại, bởi vì mỗi một pháp đều phụ thuộc vào nhau để hiện hữu...Loài vô tình ở ngoại cảnh có năm cặp đối lập nhau: Trời đối với đất... sáng đối với tối, âm đối với dương. Khi diễn bày về pháp tướng người ta vạch ra 12 sự đối lập: Tiếng nói đối với pháp, hiện hữu đối với không hiện hữu, hữu sắc đối vô sắc... sự rộng lớn đối với sự nhỏ bé. Tự tánh khi khởi dụng sanh ra mười chín cặp đối lập: Dài đối với ngắn...thường đối với không thường... pháp thân đối với sắc thân... Nếu các con hiểu và dùng 36 cặp đối lập này, các con có thể quán thông tất cả các kinh pháp, ra vào đều lìa cả hai bên. Nếu có người hỏi các con về đạo nghĩa, và câu hỏi nói sự hiện hữu, thì câu trả lời đối lại là không hiện hữu; Nếu họ hỏi về sự không hiện hữu, thì câu trả lời đối lại là hữu... Bởi vì trong mỗi trường hợp hai nguyên lý tương thuộc nhau đối nhau thì sanh ra nghĩa Trung Đạo. Một câu hỏi một câu đáp, đến như các câu hỏi khác, các con cứ y theo đây mà thi hành thì chẳng sai lý vậy. Giả như có người hỏi sao gọi là tối? Đáp: “Sáng là nhơn, tối là duyên, sáng dứt thì tối. Lấy cái sáng mà chỉ rõ cái tối, lấy cái tối mà chỉ rõ cái sáng, qua lại đối nhau thì thành cái nghĩa trung đạo.” Mấy điều hỏi khác, tất cả đều y theo cách chỉ đó mà trả lời. Ngày sau các ông có đi truyền pháp, cứ y theo pháp ấy mà truyền dạy nhau, chớ làm sai tông chỉ.”

Dựa vào đoạn văn ở trên chúng ta có thể nói lên rằng khái niệm nhị nguyên và sự siêu nghiệm của nó là trọng yếu và có tính cách quyết định đối với hệ tư tưởng của tuyền thống Thiền Trung Hoa. Bốn đơn vị lượng toán đã trình bày trong bài viết này là để tán thành, ủng hộ và làm sáng tỏ hệ tư tưởng của Thiền phái này.

BÀN LUẬN

Tính năng tối quan trọng trong tiến trình phát triển tri thức của nhân loại là tính thuần thực của các khái niệm từ định tính đến bán định tính đến định lượng. Tính năng này được minh họa bằng đơn vị đo lường về sự phát triển trẻ thơ trong phần 1.1. Trẻ con còn ẵm ngửa đầu tiên học về cuộc sống dựa vào các khái niệm nhị nguyên đang phát triển, đó là đen và trắng. Trẻ con chập chững biết đi bắt đầu thấy vùng màu xám giữa đen và trắng, và cuối cùng là những sắc thái đen trắng khác

nhau (bán định lượng). Trẻ em tuổi đi học định lượng được các sắc thái của đen và trắng nhờ học tập hệ thống chữ số. Có thể nói rằng sự phát triển trẻ thơ từ khi sinh cho đến lúc 6 tuổi tóm tắt lại tiến trình phát triển của nền văn minh nhân loại từ thời kỳ đồ đá (không có khái niệm về sự đánh số) đến kiểu xã hội của người Babylon (khi hệ thống chữ số được phát minh ở khắp các nền văn minh cổ đại).

Đơn vị lượng toán số 2 đến số 4 thúc đẩy kết luận rằng Vô hạn là một khái niệm dựa trên phương thức của sự tư duy hữu hạn. Hữu hạn và Vô hạn là những thuật ngữ không đối nhau và cũng không loại trừ nhau. Chúng là những khái niệm sở kiến tùy thuộc vào việc chúng ta khai mở tâm thức như thế nào. Những khái niệm trừu tượng khó hiểu như Vô hạn (từ hạn định) có thể được định lượng bằng cách trình ra những đơn vị đo lường mới hơn và lớn hơn. Khi người ta đưa các đơn vị thêm vào để đo lường những con số lớn, thì cái không thể đo lường (Bất khả lượng) trở thành cái có thể (khả lượng). Vì lẽ đó, người ta có thể vượt qua nhị nguyên tính bằng cách lý giải hữu hạn và vô hạn đối nhau chỉ theo định nghĩa của từ điển. Đối lập là sản phẩm của sự tư duy hẹp hòi, chấp trước, nghĩa là, X ở bên trong hộp, Y ở bên ngoài hộp, do đó chúng ngược nhau. Nhưng, nếu không có cái hộp, thì không có sự đối lập (suy nghĩ vượt ra ngoài hộp nghĩa là suy nghĩ khác nhau, không chín chắn).

Khi học cách lượng toán của Hoa Nghiêm thì đếm số bằng miệng rất quan trọng. Phẩm chất của kinh Hoa Nghiêm hướng dẫn chúng ta làm thế nào để hoàn thiện từ khái niệm định tính ấu trĩ đến khái niệm định lượng chín chắn. Tinh tế Thiền và mật hạnh được gắn trong đơn vị lượng toán của Hoa Nghiêm.

KẾT LUẬN

Chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục của Phật Giáo cấp đại học cần phải gồm có hai bài giáo huấn quan trọng; làm thế nào để khai mở tâm thức và làm thế nào để siêu việt tư tưởng nhị nguyên phân biệt. Ý nghĩa quan trọng của việc vượt ra khỏi tư tưởng nhị nguyên phân biệt được khẳng định bởi lời dạy cuối cùng có tính cách quyết định của sư Tổ thứ 6 Thiền học Trung Hoa, Huệ Năng (六祖惠能). Kinh Hoa Nghiêm kết hợp hai bài học này làm thành một. Bài tham luận này như là một bài số giải của Kinh nhằm để minh họa (1) làm

thế nào để khai mở tâm trí bằng cách đưa ra ba cách lượng toán điều kiện tiên quyết đạt tới cách lượng toán của Hoa Nghiêm, (2) làm thế nào để vượt ra khỏi tư tưởng sự nhị nguyên là bước kế tiếp tồn tại riêng rẽ khác với cách khai mở tâm thức. Điều này là do vì việc vượt khỏi tư tưởng nhị nguyên phân biệt khó khăn và phức tạp hơn nhiều so với việc khai mở tâm thức.

Liên quan tới việc làm thế nào để khai mở tâm thức, đơn vị đo lường sự phát triển của trẻ em khẳng định rằng các khái niệm định tính là ấu trĩ; các khái niệm bán định lượng là chưa chín chắn còn tính trẻ con; các khái niệm định lượng trở nên hoàn thiện từ kiến thức số học. Giá trị của lời tuyên bố này được nhìn thấy cả từ sự phát triển chỉ biết coi trọng bản thân của một đứa trẻ và sự tiến hóa của toàn bộ nền văn minh nhân loại.

Điều này chứng tỏ có sự thống nhất giữa tư tưởng cơ bản của các trường phái Hoa Nghiêm, Thiền Trung Hoa và Mật tông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Tripitaka Master – Tam Tạng Sư) Tuyên Hóa năm 1981, Hoa Nghiêm Kinh: Chương 39, Phần 3, Phẩm Nhập Pháp Giới, theo Viện Quốc tế về Dịch thuật các văn bản Phật giáo (Đại học Phật giáo Pháp Giới),

<http://books.google.ca/books?id=3Yf0gAavv-MC&printsec=frontcover#v=onepage&q&f=false>

(Tripitaka Master) Tuyên Hóa năm 2001, Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh, Chương 10 Phẩm Phó Chúc, trang 379, theo Hội dịch thuật các văn bản Phật giáo, Hoa Kỳ.

http://www.thezensite.com/ZenTeachings/Translations/PlatformSutra_DharmaJewel.pdf

Kinh Lăng Già, bản dịch của Suzuki và Goddard,

<http://gnosis.org/library/lank.htm>

Walpola Rahula năm 1958, What the Buddha Taught, Grove Press Inc, New York, trang 13.